

Số: 432 /QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 02 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu  
Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-UB ngày 09 tháng 5 năm 2005 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu đô thị mới An Vân Dương, phía Đông thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 09 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu Khu A – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 88/TTr-SXD và Văn bản thẩm định số 87/TĐ-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi nghiên cứu:** Vị trí thuộc phường An Đông, thành phố Huế, phường Thủy Dương, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp sông Như Ý và Khu B - Đô thị mới An Vân Dương;
- Phía Nam: Giáp sông Lợi Nông;
- Phía Đông: Giáp Đường Thủy Dương - Thuận An (Võ Văn Kiệt);
- Phía Tây: Giáp sông Phát Lát và khu Kiểm Huệ.

### **2. Quy mô khu vực lập quy hoạch**

- a) Quy mô diện tích nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch: 380ha;
- b) Quy mô dân số: 18.000 người.

### **3. Tính chất**

- Là khu đô thị trung tâm hành chính, tài chính kết hợp với trung tâm dịch vụ thương mại cấp thành phố.
- Là khu ở tập trung mật độ cao nhằm giảm tải dân cư khu vực trung tâm đô thị Huế, được đầu tư đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường, nhằm nâng cao chất lượng sống cho dân cư trong khu vực và góp phần hoàn thiện bộ mặt kiến trúc đô thị.

### **4. Cơ cấu sử dụng đất**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Quy hoạch Khu A		Quy hoạch điều chỉnh	
			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>		<b>1.158.211</b>	<b>30,45</b>	<b>1.159.300</b>	<b>30,47</b>
1.1	Đất ở chung cư	<b>CHC</b>	180.763	4,75	40.550	1,07
1.2	Đất ở biệt thự	<b>BT</b>	57.133	1,50	89.315	2,34
1.3	Đất ở tái định cư	<b>TĐC</b>	89.955	2,37	152.074	4,00

1.4	Đất ở liền kề	<b>LK</b>	268.781	7,07	261.733	6,88
1.5	Đất ở chính trang	<b>CTR</b>	561.579	14,76	615.628	16,18
<b>2</b>	<b>Đất công cộng</b>		<b>874.076</b>	<b>22,97</b>	<b>866.744</b>	<b>22,78</b>
2.1	Đất công cộng khu ở		24.469	0,64	76.302	2,00
2.2	Đất công cộng cấp đô thị		849.607	22,33	778.255	20,78
-	<i>Đất công cộng</i>	<b>CC</b>	<i>187.603</i>	<i>4,93</i>	<i>176.863</i>	<i>4,66</i>
-	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	<b>TM-DV</b>	<i>109.750</i>	<i>2,88</i>	<i>116.445</i>	<i>3,06</i>
-	<i>Đất ở kết hợp thương mại dịch vụ</i>	<b>OTM</b>	<i>203.140</i>	<i>5,34</i>	<i>315.193</i>	<i>8,28</i>
-	<i>Đất trường học</i>	<b>TH</b>	<i>241.840</i>	<i>6,35</i>	<i>100.022</i>	<i>2,63</i>
-	<i>Đất y tế</i>	<b>BV</b>	<i>107.274</i>	<i>2,82</i>	<i>81.919</i>	<i>2,15</i>
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh</b>		<b>737.325</b>	<b>19,38</b>	<b>876.672</b>	<b>23,05</b>
3.1	Đất cây xanh khu ở	<b>CX</b>			160.846	4,22
3.2	Đất cây xanh công viên	<b>CX</b>	441.449	11,60	499.456	13,14
3.3	Đất cây xanh cách ly	<b>CL</b>	176.016	4,63	118.905	3,12
3.3	Đất cây xanh cảnh quan - mặt nước	<b>CXCQ</b>	119.860	3,15	97.465	2,57
<b>4</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>1.034.448</b>	<b>27,20</b>	<b>901.344</b>	<b>23,70</b>
<b>4.1</b>	Đất giao thông khu ở				328.016	8,62
	Đất giao thông đô thị				573.328	15,08
	<b>Tổng</b>		<b>3.804.060</b>	<b>100,00</b>	<b>3.804.060</b>	<b>100,00</b>

## 5. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

a) Phân khu chức năng: Khu quy hoạch được phân thành 03 khu vực chính lấy trục đường Tố Hữu và đường Võ Nguyên Giáp làm trục trung tâm:

- Khu vực trung tâm của khu quy hoạch bố trí các công trình hành chính tập trung, dịch vụ thương mại và nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại cao tầng;

- Khu vực phía Đông của đường Võ Nguyên Giáp bố trí các công viên cây xanh tập trung, trường học cao đẳng nghề, trường Đại học Y Dược cơ sở 2, nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, biệt thự, liền kề và chính trang;

- Khu vực phía Tây của đường Võ Nguyên Giáp bố trí các khu chung cư, nhà ở xã hội, trường Nguyễn Tri Phương, công trình công cộng và khu dân cư chính trang.

b) Tổ chức không gian:

- Không gian kiến trúc, cảnh quan khu vực quy hoạch được hình thành trên cơ sở các tuyến giao thông chính đường Võ Nguyên Giáp, đường Tố Hữu

nối dài và kênh thoát nước khu vực kết hợp dải cây xanh. Các khu đô thị dọc theo tuyến Võ Nguyên Giáp và Tô Hữu được tổ chức lại thành nhiều cụm, gắn kết chặt chẽ không gian đô thị hai bên tuyến đường.

- Giao lộ đường Võ Nguyên Giáp - Tô Hữu bố trí công trình thương mại, dịch vụ kết hợp căn hộ cao tầng hình thành điểm nhấn chính cho khu vực quy hoạch.

- Kênh thoát nước được xây dựng mới và hướng thoát nước chảy từ Tây sang Đông và kết nối với trục chảy từ Bắc sang Nam dọc theo tuyến đường và chảy ra sông Như Ý, sông Lợi Nông nhằm đảm bảo thoát nước cho toàn khu vực, đồng thời tạo môi trường cảnh quan. Hai bên kênh nước bố trí các tuyến đường và kè chắn kết hợp cây xanh nhằm bảo vệ mặt nước, chống sạt lở.

- Bố trí dải cây xanh cách ly dọc theo tuyến đường Thủy Dương – Thuận An nhằm phục vụ cho nhiều mục tiêu, trước mắt dành để thoát nước tự nhiên, không gian xanh đô thị; về lâu dài có xét đến việc mở rộng làn xe hoặc để bố trí tuyến giao thông công cộng.

c) Các yêu cầu về quy hoạch kiến trúc:

\* Mật độ xây dựng:

+ Đất công cộng: CC1- CC6, CC8 - CC10:  $\leq 40\%$ ; CC7:  $\leq 60\%$ .

+ Đất trường học, y tế:  $\leq 40\%$ .

+ Đất thương mại dịch vụ: TM-DV1-3:  $\leq 45\%$ ; TM-DV4, TM-DV6-7:  $\leq 50\%$ ; TM-DV5:  $\leq 60\%$ .

+ Đất dịch vụ thương mại kết hợp ở: OTM1-6, OTM11, OTM13:  $\leq 50\%$ . OTM7-8, OTM9A-9B:  $\leq 70\%$ .

+ Đất ở chung cư: 40%-50%.

+ Đất ở thấp tầng và tái định cư:  $\leq 80\%$ .

+ Đất ở biệt thự và đất ở chính trang:  $\leq 60\%$ ; Riêng các khu đất: CTR8, CTR16, CTR18-19:  $\leq 80\%$ .

+ Đất cây xanh:  $\leq 5\%$ ; Riêng các khu đất cây xanh chuyên đề ký hiệu CX1-3:  $\leq 20\%$ , khu đất cây xanh quảng trường ký hiệu CX4:  $\leq 10\%$ , khu đất cây xanh - TDTT ký hiệu CX13, CX15  $\leq 10\%$ .

\* Chiều cao công trình:

+ Đất công cộng: CC1-2, CC4-7, CC9-10: 2- 5 tầng; CC8: 7-9 tầng;

+ Đất trường học, y tế: TH1, TH3-4: 2- 5 tầng; TH2: 9-14 tầng; BV: 7- 9 tầng;

+ Đất thương mại dịch vụ: TM-DV1: 3-7 tầng; TM-DV6: ≤ 2 tầng; TM-DV2, TM-DV3: 2- 5 tầng; TM-DV4: 5- 9 tầng; TM-DV5: 9-12 tầng; TM-DV7: 20- 25 tầng;

+ Đất dịch vụ thương mại kết hợp ở: OTM1-2: 15-19 tầng, OTM3, OTM8, OTM9A-9B: 16- 20 tầng; OTM5, OTM13: 10-15 tầng; OTM6: 12-17 tầng; OTM7, OTM11: 20- 25 tầng;

(Riêng đối với công trình điểm nhấn tại nút giao đại lộ Võ Nguyên Giáp và Tố Hữu – Lô OTM4: 30- 40 tầng).

+ Đất ở chung cư: 7- 9 tầng.

+ Đất ở thấp tầng và tái định cư: ≤ 5 tầng.

+ Đất ở biệt thự và đất ở chính trang: ≤ 4 tầng.

+ Đất cây xanh: ≤ 01 tầng; Riêng các khu đất CX1: ≤ 2 tầng; CX2-4: ≤ 3 tầng.

\* Chỉ giới xây dựng:

- Đối với các dự án đã triển khai hoặc đã được phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) thì cập nhật chỉ giới xây dựng theo thực tế dự án đã triển khai hoặc thực hiện theo Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã phê duyệt;

- Đất công cộng (CC):

+ Đối với trục đường Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu và các trục đường khác lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Riêng đối với các khu đất có ký hiệu CC6, CC7, CC9 và CC10 lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ.

- Đất trường học, y tế (TH, YT):

+ Các khu đất TH1, TH2 và TH3 căn cứ theo thực tế dự án đã triển khai;

+ Khu đất TH4: Lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ đối với tất cả các trục đường bao quanh;

+ Khu đất BV thực hiện theo Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) đã phê duyệt.

- Đất thương mại dịch vụ (TM-DV):

+ Đối với trục đường Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu và các trục đường khác lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với khu đất có ký hiệu TM-DV3 căn cứ theo thực tế dự án đã triển khai;

+ Đối với khu đất có ký hiệu TM-DV5, TM-DV6: Khôi để lùi 4,0m so với chỉ giới đường đỏ; Khôi cao tầng lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ.

- Đất dịch vụ thương mại kết hợp ở (OTM):

+ Lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ đối với tất cả các tuyến đường;

+ Riêng khu đất có ký hiệu OTM5, OTM9A và OTM9B lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ đối với trục đường Võ Nguyên Giáp; Các trục đường khác lùi 4,0m so với chỉ giới đường đỏ.

- Đất nhà ở xã hội (CHC): Căn cứ theo thực tế đã triển khai.

- Đất ở thấp tầng và tái định cư (LK, BT, TĐC): Lùi 4,0m so với chỉ giới đường đỏ đối với tất cả các tuyến đường.

- Đất nhà ở thương mại (Shophouse):

+ Đối với trục đường Võ Nguyên Giáp và Tố Hữu lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với các tuyến đường khác trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Đất ở chính trang (CTR):

+ Đối với trục đường Võ Nguyên Giáp lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với các tuyến đường khác trùng với chỉ giới đường đỏ;

+ Riêng đối với các khu đất có ký hiệu CTR9, CTR10: Trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Đất công viên cây xanh (CX): Lùi 10,0m so với chỉ giới đường đỏ đối với tất cả các tuyến đường.

- Đối với công trình tại dải phân cách tuyến đường Võ Nguyên Giáp: Lùi 6,0m so với chỉ giới đường đỏ.

## **6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

a) San nền: Cao độ nền cao nhất điều chỉnh từ +2,3m thành +2,50m (ngã tư giao lộ Tố Hữu - Võ Nguyên Giáp); Cao độ nền khu vực thấp nhất là +2,00m (đối với đất cây xanh công viên). Đối với đất cây xanh cách ly giữ nguyên mặt phủ tự nhiên không san đắp.

b) Quy hoạch thoát nước mưa: Tổ chức hệ thống thoát nước mưa theo từng khu vực, hướng thoát theo địa hình từ khu vực trung tâm giao lộ Võ Nguyên Giáp – Tố Hữu về kênh thoát nước mới của khu quy hoạch và đổ vào sông Như Ý, sông Lợi Nông. Tại khu vực xây dựng mới, tổ chức mạng thoát nước mưa riêng. Hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm thoát nước mưa trên toàn lưu vực và đổ ra hệ thống thoát nước khu vực.

c) Giao thông:

\* Các trục đường chính thành phố:

- Tuyến đường Võ Nguyên Giáp: Đây là tuyến giao thông quan trọng của thành phố Huế nói chung và Khu đô thị An Vân Dương nói riêng, tuyến đường này có lộ giới được xác định gồm nhiều đoạn với lộ giới như sau:

+ Đoạn từ đường Tôn Quang Phiệt tới điểm giao với đường số 16 và đường N7 (có mặt cắt 5B-5B) lộ giới 24,0m (3,5m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 3,5m).

+ Đoạn từ điểm giao với đường số 16 và đường N7 đến nút giao đường Văn Tiến Dũng (có mặt cắt 10-10) lộ giới 56,0m (11m + 12,75m + 8,5m + 12,75m + 11m).

+ Đoạn từ nút giao đường Văn Tiến Dũng đến sông Như Ý được điều chỉnh như sau: Giữ nguyên lộ giới 100m, điều chỉnh chiều rộng mặt đường đôi cũ 04 làn xe thành đường 03 làn xe rộng 10,5m. Dải phân cách ở giữa rộng 52m bố trí cây xanh cảnh quan và xây dựng các công trình công cộng (nếu có) với (mặt cắt 1-1) có lộ giới 100,0m (11,0m + 10,5m + 2,5m + 52,0m + 2,5m + 10,5m + 11,0m). Cầu trên tuyến qua sông Như ý xây dựng cầu đôi, chiều rộng cầu bằng chiều rộng mặt đường.

- Tuyến đường Tố Hữu (có mặt cắt 2 - 2) lộ giới 60,0m (6,0m + 10,5m + 4,0m + 19,0m + 4,0m + 10,5m + 6,0m).

- Tuyến đường Hoàng Quốc Việt (có mặt cắt 4 - 4 và 6 - 6) lộ giới 26,0m (6,0m + 14,0m + 6,0m);

\* Các trục đường chính khu vực và nội bộ:

Giữ nguyên về hướng tuyến và chiều rộng lộ giới hầu hết các tuyến đường nội bộ của khu A theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt và các tuyến hiện nay đã và đang triển khai xây dựng. Chỉ điều chỉnh một số tuyến như sau:

- Tuyến đường ven sông 01 và đường ven sông 02: Điều chỉnh hướng tuyến cho phù hợp với hiện trạng, điều chỉnh chiều rộng lộ giới từ 19,5m (4,5m + 10,5m + 4,5m) thành 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m) ký hiệu mặt cắt (11-11).

- Tuyến đường Tôn Quang Phiệt: Điều chỉnh hướng tuyến cho phù hợp với đường hiện trạng, điều chỉnh lộ giới từ 19,5m thành 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m).

- Tuyến đường Nguyễn Lộ Trạch: Điều chỉnh hướng tuyến cho phù hợp với đường hiện trạng, điều chỉnh lộ giới từ 19,5m thành 18,5m (4,0m + 10,5m + 4,0m).

- Các mặt cắt các đường trong khu quy hoạch:
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 3-3) có lộ giới 44,0m (9,0m+10,5m+5,0m+10,5m+9,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 4-4) có lộ giới 26,0m (6,0m+14,0m+6,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 5-5) có lộ giới 36,0m (6,0m + 10,5m + 3,0m + 10,5m + 6,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 5A-5A) có lộ giới 26,0m (4,0m + 7,5m + 1,0m + 7,5m + 6,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 5B-5B) có lộ giới 24,0m (3,5m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 3,5m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 6-6) có lộ giới 26,0m (6,0m + 14,0m + 6,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 7-7) có lộ giới 23,0m (4,5m + 14,0m + 4,5m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 8-8) có lộ giới 19,5m (4,5m + 10,5m + 4,5m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 8A-8A) có lộ giới 18,5m (4,0m + 10,5m + 4,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 9-9) có lộ giới 16,5m (4,5m + 7,5m + 4,5m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 10-10) có lộ giới 56,0m (11,0m + 12,75m + 8,5m + 12,75m + 11,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 11-11) có lộ giới 15,5m (4,0m + 7,5m + 4,0m).
  - + Đường quy hoạch (mặt cắt 12-12) có lộ giới 13,5m (3,0m + 7,5m + 3,0m).
- Bãi đỗ xe: Bố trí tại các khu vực cây xanh công viên và phân bố dọc theo dãy cây xanh giáp khu vực kênh thoát nước của khu quy hoạch.

d) Cấp nước:

- Nước cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của dân lấy theo tiêu chuẩn cấp nước cho khu đô thị loại I, cấp cho 100% dân số: 180 lít/người.ngđ
- Các nhu cầu dùng nước khác tính toán theo tiêu chuẩn quy định.
- Tổng nhu cầu cấp nước: 7.140m<sup>3</sup>/ngđ.
- Nguồn nước: Lấy từ hệ thống cấp nước thành phố Huế. Đầu nối với đường ống D500 tại tuyến đường Thủy Dương – Thuận An.
- Mạng lưới: Đường ống trong khu quy hoạch được thiết kế mạng vòng nhánh cụt, bố trí dọc các trục đường thuận tiện cho việc kết nối.



- Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy: Bố trí đúng quy định về tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy; các họng cứu hỏa được bố trí đảm bảo khoảng cách theo quy định.

đ) Cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: 1.100kWh/ người.năm.

+ Giai đoạn dài hạn: 2.100kWh/ người.năm.

- Chỉ tiêu phụ tải điện sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: 450W/người.

+ Giai đoạn dài hạn: 700W/người.

+ Các nhu cầu dùng điện khác tính toán theo tiêu chuẩn quy định.

+ Tổng công suất: 145,115kW.

- Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ trạm 110kV Ngự Bình và Trạm 110kV Huế 3. Xây dựng mới một số trạm biến áp 22/0,4 kV đặt tại công viên cây xanh, khu thương mại dịch vụ và công cộng phục vụ nhu cầu sử dụng điện của khu quy hoạch.

- Mạng điện: Lưới điện trong khu vực lắp mới là cáp ngầm đặt theo các tuyến đường để đảm bảo cảnh quan, thuận tiện cho việc kết nối các công trình. Trong các khu chỉnh trang cải tạo hệ thống cấp nguồn cũ, khuyến khích ngầm hóa khi có thể.

- Chiếu sáng công cộng: Hệ thống chiếu sáng được thiết kế theo tiêu chuẩn, sử dụng đèn tiết kiệm năng lượng có hiệu suất chiếu sáng cao.

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Đối với khu chỉnh trang: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng, có cống bao thu gom nước thải.

+ Đối với các khu mới: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

+ Các công trình phải xây bể tự hoại đúng quy cách. Nước thải của các công trình cần được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải.

+ Nước thải được thu theo một hệ thống đường ống HDPE riêng biệt. Hệ thống thoát nước thải hoạt động theo nguyên tắc tự chảy hoặc bơm trung chuyển về khu nhà máy xử lý nước thải tại khu B - Đô thị mới An Vân Dương.

- Vệ sinh môi trường: Chỉ tiêu rác thải là 1,3 kg/người.ngày, tỷ lệ thu gom 100%. Tổ chức thu gom và xử lý rác thải theo quy định của khu vực. Chất thải rắn được thu gom và vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn Phú Sơn, thị xã Hương Thủy để xử lý.

g) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông (hầm, hào, tuynel, cống, bể, ống) gắn kết với quy hoạch phát triển giao thông, với đề án ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố Huế.

- Hệ thống cáp, hộp nối được lắp đặt đồng bộ; bố trí ngầm trong hệ thống cống bê dưới vỉa hè dọc theo hệ thống giao thông.

## **7. Giải pháp bảo vệ môi trường:**

a) Bảo vệ môi trường nguồn nước:

- Tổ chức, cá nhân không được lấn chiếm, xây dựng mới các công trình, nhà ở trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước kênh thoát nước đã được quy hoạch.

- Không được đổ đất, đá, cát, sỏi, chất thải rắn, nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường và các loại chất thải khác vào nguồn nước kênh, mương.

b) Bảo vệ môi trường không khí: Bố trí trồng cây xanh hai bên đường, công viên, các điểm xanh.

c) Nhà vệ sinh công cộng: Các khu dịch vụ thương mại, công viên lớn, các bãi đỗ xe và các nơi công cộng khác phải bố trí các nhà vệ sinh công cộng.

## **8. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Ưu tiên phát triển các quỹ đất dọc trục đường Tố Hữu và đường Võ Nguyên Giáp; Các quỹ đất dọc trục đường Trường Chinh và đường Văn Tiến Dũng;

- Đầu tư điểm xanh, cây xanh kết hợp bãi đỗ xe và trồng cây xanh vỉa hè;

- Đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng xã hội như: công trình dịch vụ thương mại, trường học, thiết chế văn hóa,...;

**Điều 2.** Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch phân khu được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan Ban, Ngành chức năng liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, phối hợp Sở Xây dựng và các Ban, Ngành, chính quyền địa phương liên quan tổ chức công bố quy hoạch theo quy định để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2. Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị có trách nhiệm phối hợp các Ban, ngành, chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý xây dựng theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm rà soát cơ chế tài chính đối với các dự án được điều chỉnh quy hoạch theo đồ án quy hoạch này.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Mọi sự điều chỉnh, thay đổi phải báo cáo, thống nhất của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 27/11/2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu A - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Huế, Chủ tịch UBND thị xã Hương Thủy; Giám đốc Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu VT, XD.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**